

Đặc tả Use case UC002 - “Place Rush Order”

1. Mã Use case

UC002

2. Mô tả ngắn

Khách hàng có thể chọn phương thức đặt hàng nhanh (rush order). Giao hàng nhanh cho phép khách hàng nhận hàng với thời gian hẹn trước trong vòng 2 tiếng. Hiện tại, chỉ những địa chỉ nhận hàng ở Hà Nội được hỗ trợ.

3. Actors

Người mua

4. Tiền điều kiện

Người dùng đã truy cập vào hệ thống.

5. Luồng sự kiện cơ bản

1. Phần mềm AIMS: hiển thị màn hình form giao hàng.
2. Khách hàng: chọn giao hàng nhanh.
3. Phần mềm AIMS: kiểm tra địa chỉ và sản phẩm hỗ trợ giao hàng nhanh.
4. Phần mềm AIMS: tính toán và cập nhật thông tin vào đơn hàng.
5. Phần mềm AIMS: yêu cầu xác nhận.
6. Khách hàng: xác nhận.

6. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 2-Các luồng sự kiện thay thế cho Usecase “Place Rush Order”

| STT | Vị trí | Điều kiện | Hành động | Vị trí tiếp tục |
|-----|--------|-----------|-----------|-----------------|
|-----|--------|-----------|-----------|-----------------|

| | | | | |
|----|------------|---|---|------------|
| 1. | Tại bước 2 | Nếu khách hàng không chọn giao hàng nhanh | Phần mềm AIMS thực hiện trả về giao diện trước đó | Tại bước 1 |
| 2. | Tại bước 3 | Nếu địa chỉ không hỗ trợ giao hàng nhanh hoặc không có sản phẩm nào hỗ trợ | Thông báo cho khách hàng để khách hàng cập nhật lại thông tin giao hàng | Tại bước 2 |
| 3. | Tại bước 3 | Có sản phẩm hỗ trợ và không hỗ trợ và địa chỉ giao hàng cũng hỗ trợ giao hàng nhanh | Phần mềm sẽ hiển thị thông tin giao hàng, và yêu cầu khách hàng bổ sung thêm thông tin giao hàng nhanh (thời gian nhận hàng cho giao hàng nhanh, chỉ dẫn giao hàng) vào thông tin giao hàng | Tại bước 2 |

7. Dữ liệu đầu vào

Bảng A-Dữ liệu đầu vào

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
|-----|--------------------|---|----------|------------------|--|
| 1. | Tên người nhận | Tên của người mua hàng | Có | Text | |
| 2. | Số điện thoại | Số điện thoại của người mua hàng | Có | 10 số | |
| 3. | Địa chỉ | Địa chỉ người mua hàng ở nội thành Hà Nội | Có | Text | |
| 4. | Chỉ dẫn giao hàng | Chỉ dẫn chi tiết giao hàng | Không | Text | |
| 5. | Danh sách sản phẩm | Danh sách các sản phẩm mua hàng | Có | Array | [{ name: “áo LV”, price: “100000”, rushOrder: “true”, brand: “LV” }, { |

| | | | | | |
|----|----------------------|---|-------|---------|--|
| | | | | | <pre>name: "Túi da", price: "900000", rushOrder: "false", brand: "Gucci" }]</pre> |
| 6. | Chọn giao hàng nhanh | Khách hàng chọn/ không chọn giao hàng nhanh | Không | Boolean | True |

8. Dữ liệu đầu ra

Bảng B-Dữ liệu đầu ra

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Định dạng | Ví dụ |
|-----|-------------------------------------|---|-----------|---|
| 1. | Danh sách sản phẩm hỗ trợ giao hàng | Danh sách sản phẩm hỗ trợ giao hàng nhanh | Array | <pre>[{ name: "áo LV", price: "100000", rushOrder: "true", brand: "LV" }, { name: "Túi da", price: "900000", rushOrder: "true", brand: "Gucci" }]</pre> |

| | | | | |
|----|---|---|--------|---|
| 2. | Danh sách sản phẩm không hỗ trợ giao hàng | Danh sách sản phẩm không hỗ trợ giao hàng nhanh | Array | [{ name: “áo LV”, price: “100000”, rushOrder: “false”, brand: “LV” }, { name: “Túi da”, price: “900000”, rushOrder: “false”, brand: “Gucci” }] |
| 3. | Phí giao hàng | Phí giao hàng nhanh | Double | 100.000 đ |
| 4. | Tổng tiền | Tổng tiền sản phẩm, thuế, phí giao hàng | Double | 1.100.000 đ |

9. Hậu điều kiện

Không có